

# KHẢO SÁT MỨC ĐỘ BIỂU HIỆN TRÍ TUỆ XÚC CẢM CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Thị Minh Hằng\*

## TÓM TẮT

**Mở đầu:** Trí tuệ xúc cảm là một thành tố trí tuệ mới được phát hiện vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Nó nhanh chóng nhận được sự chú ý của các nhà chuyên môn, đặc biệt là các nhà giáo dục, bởi ảnh hưởng của trí tuệ xúc cảm đối với sự thành công của con người. Con người thành đạt trong cuộc sống ngày nay không chỉ có kiến thức sâu rộng, khả năng sáng tạo mà còn cần phải có bản lĩnh để chế ngự các xung động, các cảm xúc trong tham gia, trong hợp tác, trong việc đưa ra các quyết định, kết hợp với sự thấu hiểu các diễn biến tâm lý, tình cảm của đối tác. Các nghiên cứu về trí tuệ xúc cảm trên thế giới cho thấy rằng sự phát triển của trí tuệ xúc cảm làm cho kết quả học tập của học sinh tốt hơn. Vì vậy, trong những năm cuối của thế kỷ XX, ở các nước phát triển, người ta đã quan tâm nhiều đến xúc cảm của con người và việc giáo dục xúc cảm cho học sinh vì con người là yếu tố then chốt, cơ bản để phát triển xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo con người phù hợp với sự phát triển của xã hội, việc nghiên cứu về trí tuệ xúc cảm của sinh viên là một trong những nội dung rất quan trọng của công tác giáo dục trong nhà trường đại học hiện nay.

**Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu này dựa trên cơ sở khảo sát mức độ biểu hiện về trí tuệ xúc cảm ở các sinh viên, từ đó đề xuất những giải pháp phát triển trí tuệ xúc cảm để nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

**Đối tượng - Phương pháp nghiên cứu:** Mẫu nghiên cứu là 514 sinh viên với 140 nam và 374 nữ. Nghiên cứu này được tiến hành theo các phương pháp: phương pháp nghiên cứu tài liệu để thiết lập cơ sở lý luận của đề tài, phương pháp trực nghiệm dùng làm công cụ đo nghiệm trong công trình nghiên cứu, phương pháp thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học để xử lý số liệu thực nghiệm của đề tài.

**Kết quả nghiên cứu:** Nghiên cứu đã xác định được các mức độ biểu hiện khác nhau về trí tuệ xúc cảm của sinh viên, đồng thời chỉ ra được 3 yếu tố cảm xúc trí tuệ vượt trội, đó là: năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội, năng lực tự khẳng định mình và năng lực giải quyết vấn đề.

**Kết luận:** Theo các tiêu chí đánh giá về mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm của sinh viên mà nghiên cứu đã đề ra, chúng ta nhận thấy rằng sự biểu hiện của các yếu tố cảm xúc trí tuệ của sinh viên chỉ ở mức độ trung bình. Do đó, việc giáo dục và phát triển trí tuệ xúc cảm cho sinh viên cần phải được đặc biệt chú trọng ngay từ năm thứ nhất, trong đó tất cả các kỹ năng quan trọng cần thiết cho sự phát triển các năng lực cảm xúc trí tuệ cần được phát triển hài hòa để nâng cao trí tuệ xúc cảm của sinh viên trong quá trình đào tạo.

**Từ khóa:** Trí tuệ, xúc cảm, trí tuệ xúc cảm, năng lực về trí tuệ xúc cảm.

## ABSTRACT

RESEARCH ON STUDENTS' LEVEL OF EMOTIONAL INTELLIGENCE  
AT UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN HO CHI MINH CITY

Huỳnh Thị Minh Hằng \* Y Học TP.Hồ Chí Minh \* Vol 14 - Supplement of No 1 - 2010: 1- 8

**Background:** Emotional intelligence is one element which was just discovered at the beginning of 90s of 20th century. It has been quickly paid attention by the scientists, especially from the educators, thanks to the

---

\*Khoa Khoa học Cơ bản- Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: ThS.Huỳnh Thị Minh Hằng

ĐT: 0123.88.234.66

Email: minhhangdhyd@yahoo.com.vn

affection of emotional intelligence on people's success. Today, people achieve in life, not only relying on their large knowledge and ability of creativeness but also on their capacity of controlling feelings and emotion in working, in co-operating and in making decisions together with their ability of reading the partners' psychology and emotion. Studies on emotional intelligence on the world prove that emotional intelligence is one important aspect of people's intelligence. The development of emotional intelligence helps improve students's achievements in their study. Therefore, at the end of 20<sup>th</sup> century, in developed countries, people are more interested in emotion and emotional education as human resources as the main factor of social development. In order to carry out the mission of education and training in accordance with the growth of society, the study on emotional intelligence among students becomes one of the important contents in educational program in universities in present.

**Objectives:** This study is based on researching students' level of emotional intelligence, and thence solutions of developing emotional intelligence are suggested in order to improve their effectiveness in learning and practising, which helps raise the quality of education in the university.

**Methods:** The sample of research consists of 514 students, including 140 males and 374 females. This research is carried out, relying on some methods: researching documents to form the methodology; using testing methods as scientific instruments to measure the capacities of emotional intelligence; and applying statistics method in scientific research to process data.

**Results:** The research could define the different levels of students' emotional intelligence and at the same time show 3 prominent elements of emotional intelligence, that is social responsibility, self-actualization and problem solving.

**Conclusion:** According to the criteria of students' emotional intelligence evaluation which the research suggests, we find out that students' capacities of emotional intelligence are at average level. Therefore, the educating and developing emotional intelligence for students should be specially paid attention to right at the first year at the university, in which all the essential skills for growing the capacities of emotional intelligence need to be harmonously developed in order to enhance students' emotional intelligence during the process of their education.

**Keywords:** Intelligence, emotion, emotional intelligence, capacity of emotional intelligence.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước đây, khi nói đến trí tuệ, người ta thường chú trọng đến mặt nhận thức mà quên rằng xúc cảm cũng là một mặt rất quan trọng của trí tuệ con người. Con người thành đạt trong cuộc sống ngày nay không chỉ có kiến thức sâu rộng, khả năng sáng tạo mà còn cần phải có bản lĩnh để chế ngự các xung động, các cảm xúc trong tham gia, trong hợp tác, trong việc đưa ra các quyết định, kết hợp với sự thấu hiểu các diễn biến tâm lý, tình cảm của đối tác.

Trí tuệ xúc cảm là một thành tố trí tuệ mới được phát hiện vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Nó nhanh chóng nhận được sự chú ý của các nhà chuyên môn, đặc biệt là các nhà giáo dục, bởi ảnh hưởng của trí tuệ xúc cảm đối với sự thành công của con người. Các nghiên cứu về trí tuệ xúc cảm trên thế giới cho thấy rằng sự

phát triển của trí tuệ xúc cảm làm cho kết quả học tập của học sinh tốt hơn. Vì vậy, trong những năm cuối của thế kỷ XX, ở các nước phát triển, người ta đã quan tâm nhiều đến xúc cảm của con người và việc giáo dục xúc cảm cho học sinh vì con người là yếu tố then chốt, cơ bản để phát triển xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo con người phù hợp với sự phát triển của xã hội, việc nghiên cứu về trí tuệ xúc cảm của sinh viên là một trong những nội dung rất quan trọng của công tác giáo dục trong nhà trường đại học hiện nay.

## MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN

Trong tiếng La tinh, trí tuệ có nghĩa là hiểu biết, thông tuệ. Còn Từ điển Tiếng Việt giải thích trí tuệ là khả năng nhận thức lý tính đạt đến trình độ nhất định.

Giống như nhiều vấn đề khác trong tâm lý học, thật là khó có thể nêu lên được một định nghĩa hoàn chỉnh và đầy đủ nhất về thuật ngữ “trí tuệ” bởi lẽ cho đến hiện nay có nhiều quan điểm của các nhà khoa học khác nhau trên thế giới nghiên cứu về vấn đề này. Do đó, “trí tuệ” hay còn gọi là “trí thông minh” được định nghĩa theo những cách khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta có thể khái quát một cách tương đối các quan niệm đã có về trí tuệ thành 3 nhóm chính:

- Nhóm thứ nhất: Các quan điểm coi trí tuệ là khả năng hoạt động lao động và học tập của cá nhân.

- Nhóm thứ hai: Các quan điểm đồng nhất hóa trí tuệ với năng lực tư duy trừu tượng của cá nhân.

- Nhóm thứ ba: Các quan điểm coi trí tuệ là năng lực thích ứng tích cực của cá nhân.

Thực ra, các quan niệm về trí tuệ không loại trừ nhau. Trong thực tiễn, không có quan niệm nào chỉ chú ý đến duy nhất một khía cạnh năng lực tư duy hay khả năng thích ứng, mà thường đề cập tới hầu hết các nội dung đã nêu. Sự khác biệt giữa các quan niệm chỉ là ở chỗ khía cạnh nào được nhấn mạnh và nghiên cứu sâu hơn. Có hai hình thức trí tuệ tương đối độc lập, nhưng tác động lẫn nhau: trí tuệ lý trí và trí tuệ xúc cảm.

Cho đến nay, tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau về trí tuệ xúc cảm, có quan điểm cho rằng trí tuệ xúc cảm là loại trí tuệ thuần năng lực tinh thần, nhưng cũng có quan điểm cho rằng trí tuệ xúc cảm là sự kết hợp giữa năng lực tinh thần và các năng lực không phải tinh thần.

Với quan điểm thứ nhất, các nhà tâm lý học đã đưa ra rất nhiều định nghĩa khác nhau về loại trí tuệ này, tiêu biểu là các tác giả Peter Salovey và John Mayer cho rằng: *“Trí tuệ xúc cảm là năng lực nhận biết xúc cảm của mình và của người khác, biết bày tỏ xúc cảm của mình và hòa xúc cảm vào suy nghĩ, có thể hiểu và phân tích bằng xúc cảm, đồng thời có khả năng điều khiển và kiểm soát xúc cảm của bản thân và của người khác”*. Theo quan niệm của hai nhà tâm lý học này thì *“trí tuệ xúc cảm bao*

*gồm khả năng tiếp nhận, đánh giá và biểu hiện xúc cảm, khả năng đánh giá và phân loại các xúc cảm khi định hướng suy nghĩ, khả năng hiểu xúc cảm và nhận biết xúc cảm, khả năng điều khiển và định hướng xúc cảm nhằm mục đích phát triển xúc cảm và trí tuệ”*.

Với quan điểm thứ hai, những người xem loại trí tuệ này là sự kết hợp giữa năng lực tinh thần và các năng lực không phải tinh thần cũng có những định nghĩa khác nhau về trí tuệ xúc cảm, chẳng hạn như:

- Tác giả Reuven Bar-On cho rằng: *“Trí tuệ xúc cảm là một dãy các năng lực phi nhận thức và những kỹ năng có ảnh hưởng đến khả năng thành công của một người trong hoàn cảnh người đó phải đương đầu với những yêu cầu và sức ép từ môi trường”*.

- Tác giả Daniel Goleman lại đưa ra định nghĩa về trí tuệ xúc cảm như sau: *“Trí tuệ xúc cảm là năng lực nhận biết các cảm xúc của mình và của người khác, năng lực tự thúc đẩy và năng lực điều hành tốt các xúc cảm trong bản thân mình và trong các mối liên hệ với người khác”*. Ông quan niệm rằng *“Trí tuệ xúc cảm bao gồm năng lực tự kiểm chế, kiểm soát lòng nhiệt tình, sự kiên trì và năng lực tự thôi thúc bản thân mình”*.

Từ những cách tiếp cận bản chất về trí tuệ xúc cảm theo những góc độ ít nhiều khác nhau của các tác giả trên, có thể đi đến một nhận định rằng, trí tuệ xúc cảm là một phẩm chất phức hợp, đa diện, đại diện cho những nhân tố khó thấy, khó nắm bắt như tự ý thức, tự nhận thức, tự tin, tính lạc quan, sự thấu cảm, tính kiên nhẫn và tính tích cực xã hội. <sup>(6)</sup>

Theo Daniel Goleman, về một ý nghĩa nào đó, chúng ta có hai hình thức khác nhau của trí tuệ là trí tuệ lý trí và trí tuệ xúc cảm. Cả hai thứ trí tuệ này cùng quyết định cách con người hướng dẫn cuộc sống của mình như thế nào, trong đó trí tuệ xúc cảm cũng quan trọng như trí thông minh. Ông còn khẳng định không có trí tuệ xúc cảm thì trí thông minh không hoạt động được một cách thích đáng. Về mặt lý thuyết sinh lý thần kinh, thì có sự bổ sung lẫn nhau của hệ thống rìa và vỏ não mới, của hạnh nhân và các

thùy trán trước, có nghĩa là mỗi hệ thống là một tác nhân riêng biệt của đời sống tinh thần. Trí tuệ xúc cảm là loại trí tuệ góp phần quyết định sự thành bại của đời người nhiều hơn trí thông minh, nó dễ thay đổi hơn và biên độ thay đổi cũng rộng hơn trí thông minh. Trong khi chỉ số thông minh (IQ) thì hầu như mãi cố định, trí tuệ xúc cảm lại có thể phát triển lên, có thể nâng cao chỉ số trí tuệ xúc cảm (EQ) nhờ kinh nghiệm sống và hoạt động giáo dục.

Hiện thời chúng ta có thể nhấn mạnh những thành phần sau đây của trí tuệ xúc cảm:

1) Khả năng nhận biết, đánh giá và thể hiện cảm xúc bản thân. Khía cạnh này bao gồm năng lực nhận thức được các xúc cảm của mình và nhận biết được những suy nghĩ về các xúc cảm đó khi chúng nảy sinh. Đây chính là khả năng tự nhận thức của cá nhân về những xúc cảm của mình đang diễn ra, nảy sinh trong những tình huống, điều kiện, hoàn cảnh nhất định.

2) Khả năng nhận biết và đánh giá cảm xúc của người khác. Việc đánh giá cảm xúc của người khác (khả năng nhận biết chính xác cảm xúc của người khác) và thể hiện cảm xúc đó (khả năng thể nghiệm lại cảm xúc đó vào bản thân mình) đều liên quan tới sự thấu cảm. Hai khả năng này đều nói lên năng lực thấu cảm của con người. Chính sự thấu cảm là một biểu hiện rất quan trọng của trí tuệ xúc cảm.

3) Khả năng điều chỉnh cảm xúc của bản thân và của người khác. Khía cạnh này đề cập đến sự trải nghiệm những cảm xúc của cá nhân và sự theo dõi, đánh giá, xử sự để thay đổi, điều hòa của mình và của người khác. Khả năng tự điều chỉnh cảm xúc này liên quan tới việc nỗ lực khắc phục những cảm xúc tiêu cực, trong khi vẫn duy trì những cảm xúc có lợi cho bản thân. Điều chỉnh cảm xúc cũng bao gồm cả những năng lực thay đổi các phản ứng tương ứng của người khác (làm dịu, kiềm chế cơn nóng giận, v.v... của người khác).

4) Khả năng sử dụng cảm xúc để định hướng hành động. Những cảm xúc của con người có vai trò như là động lực thúc đẩy hoặc

kìm hãm hành động, tạo ra sự định hướng, sự chú ý của cá nhân đối với hành động nào đó. Vì vậy, việc sử dụng cảm xúc để điều khiển hành vi là một trong những thành phần quan trọng của trí tuệ xúc cảm. Chẳng hạn, điều khiển hành vi nóng nảy, hành vi ôn hòa, v.v...

Những thành phần nêu trên tuy mới chủ yếu nhấn mạnh khía cạnh nhận thức và tính chất quá trình của trí tuệ xúc cảm, nhưng là các thành phần có thể đo lường được bằng các trắc nghiệm.<sup>(8)</sup>

Tuy nhiên trong bài báo công bố gần đây, Daniel Goleman (2001) lại đưa ra cấu trúc EI gồm hai loạt đúp (2x2) các hoạt động tạo ra năng lực tổng thể nhằm nhận biết và điều khiển xúc cảm ở mình và ở người khác như sau:

<b>NĂNG LỰC CÁ NHÂN (quan hệ với mình)</b>	<b>NĂNG LỰC XÃ HỘI (quan hệ với người khác)</b>
1. Tự biết bản thân Nhận biết mình Đánh giá mình chính xác Tự tin	2. Nhận biết các quan hệ xã hội Đồng cảm Định hướng sự phục vụ Biết cách tổ chức
3. Tự kiểm soát, quản lý bản thân Kiểm soát cảm xúc của mình Có lòng tin Tự ý thức Thích ứng Động cơ thành đạt Sáng tạo	4. Quản lý điều khiển các mối quan hệ xã hội Phát triển người khác Tạo ảnh hưởng Giao tiếp Kiểm soát xung đột Lãnh đạo có tầm nhìn, khôn ngoan Xúc tác để thay đổi Xây dựng các mối quan hệ Tinh thần đồng đội và sự hợp tác

Trong đề tài này, chúng tôi chấp nhận quan điểm của nhà tâm lý học người Israel Reuven Bar-On cho rằng để thành công trong công việc và trong cuộc sống, cần có các năng lực về trí tuệ xúc cảm không thể thiếu sau đây:

- Năng lực tự đánh giá bản thân một cách lạc quan
- Năng lực tự nhận biết xúc cảm của bản thân
- Khả năng quyết đoán
- Tính độc lập
- Năng lực tự khẳng định mình
- Khả năng đồng cảm

- Năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội
- Năng lực xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách
  - Khả năng chịu đựng áp lực
  - Năng lực kiểm soát xung tính
  - Năng lực đánh giá đúng thực tiễn
  - Khả năng linh hoạt trong tư duy
  - Năng lực giải quyết vấn đề
  - Khả năng giữ tâm trạng lạc quan
  - Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để khảo sát mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm của sinh viên các lớp Dược 2005, Dược 2006, Dược 2007, chúng tôi đã lựa chọn thang đo mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm dựa trên cơ sở lý thuyết về trí tuệ xúc cảm của tác giả Reuven Bar-On để biên dịch và sử dụng trong việc đánh giá mức độ biểu hiện của sinh viên.

Thang đo này gồm 105 câu hỏi trắc nghiệm được thiết kế để đo lường mức độ biểu hiện khác nhau của sinh viên về trí tuệ xúc cảm. Các mức độ đo được định nghĩa từ thấp đến cao như sau:

- 1- Hoàn toàn không đúng
- 2- Không đúng
- 3- Lưỡng lự
- 4- Đúng
- 5- Hoàn toàn đúng

Thang đo mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm được cấu trúc thành 5 phạm trù đo lường với các tiểu thang đo như sau:

1) Sự hiểu biết chính mình: gồm các năng lực tự nhận biết xúc cảm của bản thân, năng lực tự khẳng định mình, tính độc lập, khả năng quyết đoán và năng lực đánh giá bản thân một cách lạc quan.

2) Quan hệ với người khác: gồm các năng lực như khả năng đồng cảm, năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội và năng lực xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách.

3) Kiểm soát, quản lý stress: gồm các khả năng chịu đựng áp lực và năng lực kiểm soát xung tính.

4) Khả năng thích ứng: gồm các năng lực như năng lực đánh giá đúng thực tiễn, khả năng linh hoạt trong tư duy và năng lực giải quyết vấn đề.

5) Tâm trạng: gồm các khả năng giữ tâm trạng lạc quan, vui vẻ, hạnh phúc.

## Một số tiêu chí đánh giá

Để có thể đưa ra kết luận về mức độ tự đánh giá của sinh viên cho từng tiêu chí qua từng câu trắc nghiệm cũng như của các tiểu thang đo, ta căn cứ vào chuẩn đánh giá mức độ cao thấp M của từng câu dựa vào các khoảng ước lượng của điểm trung bình bình quân và độ lệch tiêu chuẩn bình quân của câu trên toàn thang đo mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm như sau:

\* Trường hợp  $M < 2,98$  ta kết luận: Tự đánh giá là ở mức độ dưới trung bình, sinh viên có nhu cầu rất cao trong việc rèn luyện và phát triển trí tuệ xúc cảm theo tiêu chí được đánh giá.

\* Trường hợp  $2,98 \leq M \leq 3,66$  ta kết luận: Tự đánh giá là ở mức độ trung bình, sinh viên cần được rèn luyện thêm và phát triển trí tuệ xúc cảm theo tiêu chí được đánh giá.

\* Trường hợp  $M > 3,66$  ta kết luận: Tự đánh giá là ở mức độ cao, sinh viên có mức độ biểu hiện rất cao về trí tuệ xúc cảm theo tiêu chí được đánh giá.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên kết quả khảo sát về mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm của sinh viên tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được thực hiện trên sự khảo sát các bài trắc nghiệm dùng để đo lường mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm của sinh viên hệ chính quy các lớp Dược 2005, Dược 2006, Dược 2007 thuộc Khoa Dược - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Qua thống kê về số lượng và giới tính của sinh viên các lớp tham gia khảo sát, chúng tôi đã thu được những kết quả như sau:

\* Tổng số sinh viên tham gia khảo sát: 514

\* Lớp:

– Dựợc 2005: 130

– Dựợc 2006: 201

– Dựợc 2007: 183

\* Giới tính:

– Nam: 140

– Nữ: 374

### Kết quả chung về các thông số của thang đo mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm

Thang đo mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm đã được khảo sát thử nghiệm trên sinh viên lớp Dựợc 2007 trước khi tiến hành khảo sát chính thức trên sinh viên hai lớp Dựợc 2005 và Dựợc 2006. Qua nghiên cứu các bài trắc nghiệm của sinh viên các lớp tham gia khảo sát, chúng tôi đã rút ra được những kết quả như sau:

Các thông số nghiên cứu	Kết quả về thang đo
Số câu trắc nghiệm	105
Số sinh viên làm trắc nghiệm	514
Điểm trung bình toàn bài	348,88
Độ lệch tiêu chuẩn toàn bài	35,70
Điểm trung bình bình quân của câu	3,32
Độ lệch tiêu chuẩn bình quân của câu	0,34
Hệ số tin cậy	0,94

Qua kết quả chung về thông số của thang đo mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm cho thấy hệ số tin cậy của thang đo  $\alpha=0,94$  là rất cao. Giá trị này nói lên tính vững chãi của thang đo và cho phép kết luận thang đo là đáng tin cậy.

### Kết quả phân tích thang đo theo từng yếu tố năng lực khác nhau về trí tuệ xúc cảm trên sinh viên

*Bảng 1: Kết quả phân tích các thông số của toàn thang đo theo từng yếu tố năng lực cảm xúc trí tuệ*

Yếu tố	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Trung bình điều hòa	Thứ bậc
1	Năng lực tự đánh giá	23,82	3,84	3,40	8

	bản thân một cách lạc quan				
2	Năng lực tự nhận biết xúc cảm của bản thân	22,51	3,68	3,22	10
3	Khả năng quyết đoán	22,24	3,84	3,18	11
4	Tính độc lập	19,75	4,16	2,82	14
5	Năng lực tự khẳng định mình	26,04	3,66	3,72	2
6	Khả năng đồng cảm	24,47	3,72	3,50	5
7	Năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội	26,40	3,74	3,77	1
8	Năng lực xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách	23,93	3,82	3,42	7
9	Khả năng chịu đựng áp lực	21,61	4,24	3,09	12
10	Năng lực kiểm soát xung tính	19,73	5,06	2,81	15
11	Năng lực đánh giá đúng thực tiễn	22,84	3,62	3,26	9
12	Khả năng linh hoạt trong tư duy	21,17	4,50	3,03	13
13	Năng lực giải quyết vấn đề	25,67	3,84	3,67	3
14	Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	24,75	3,74	3,54	4
15	Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	23,98	4,28	3,43	6

Qua kết quả của bảng 1, nghiên cứu cho thấy các yếu tố năng lực khác nhau về trí tuệ xúc cảm theo sinh viên tự đánh giá tương ứng với các mức độ đạt được từ cao đến thấp như sau:

1. Năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội
2. Năng lực tự khẳng định mình
3. Năng lực giải quyết vấn đề
4. Khả năng giữ tâm trạng lạc quan
5. Khả năng đồng cảm
6. Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc
7. Năng lực xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách
8. Năng lực tự đánh giá bản thân một cách lạc quan
9. Năng lực đánh giá đúng thực tiễn
10. Năng lực tự nhận biết xúc cảm của bản thân

11. Khả năng quyết đoán
12. Khả năng chịu đựng áp lực
13. Khả năng linh hoạt trong tư duy
14. Tính độc lập
15. Năng lực kiểm soát xung tính

Nhìn chung, tự đánh giá các yếu tố năng lực về trí tuệ xúc cảm của sinh viên là ở mức độ trung bình. Tuy nhiên, tự đánh giá tính độc lập và năng lực kiểm soát xung tính có mức độ biểu hiện dưới trung bình. Điều này cho phép kết luận sinh viên có nhu cầu cao trong việc rèn luyện và phát triển trí tuệ xúc cảm theo các tiêu chí được đánh giá.

### Kết quả phân tích thang đo theo từng mặt biểu hiện khác nhau về trí tuệ xúc cảm trên sinh viên

**Bảng 2:** Kết quả phân tích các thông số của toàn thang đo theo từng mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm

Mặt biểu hiện	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Trung bình điều hòa	Thứ bậc
1	Sự hiểu biết chính mình	22,87	2,48	3,27	4
2	Quan hệ với người khác	24,93	3,19	3,56	1
3	Kiểm soát, quản lý stress	20,67	3,09	2,96	5
4	Khả năng thích ứng	23,23	2,68	3,32	3
5	Tâm trạng	24,36	3,51	3,49	2

Qua kết quả của bảng 2, nghiên cứu cho thấy các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm theo sinh viên tự đánh giá tương ứng với các mức độ đạt được từ cao đến thấp như sau:

1. Quan hệ với người khác
2. Tâm trạng
3. Khả năng thích ứng
4. Sự hiểu biết chính mình
5. Kiểm soát, quản lý stress

Như vậy, tự đánh giá các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm của sinh viên chỉ đạt mức độ trung bình, tuy nhiên tự đánh giá về khả năng kiểm soát và quản lý stress là ở mức độ dưới trung bình. Điều này chứng tỏ sinh viên cần được rèn luyện thêm và cần được giáo dục để phát triển trí tuệ xúc cảm theo các tiêu chí được đánh giá.

### So sánh sự khác biệt của các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm theo thông số giới tính và thông số lớp

- Xét trên từng mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm, nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam sinh viên và nữ sinh viên về năng lực xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách, và giữa sinh viên các lớp về khả năng thích ứng.

- Tuy nhiên, khi xét trên toàn thang đo, kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam sinh viên và nữ sinh viên, và giữa sinh viên các lớp về mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm.

### Mối tương quan giữa các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm

Khi xét mối tương quan giữa các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm của sinh viên, kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Tất cả các mặt biểu hiện năng lực cảm xúc trí tuệ của sinh viên đều có tương quan hỗ tương có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức xác suất  $p < 0,01$ .

- Xét ở những trị số tương quan  $r > 0,5$  thì ta thấy có các mặt biểu hiện năng lực cảm xúc trí tuệ đáng quan tâm là:

+ Sự hiểu biết chính mình là mặt biểu hiện chính có tương quan hỗ tương với các mặt biểu hiện về quan hệ liên nhân cách với người khác; kiểm soát và quản lý stress; khả năng thích ứng và tâm trạng với các trị số tương quan lần lượt là 0,756; 0,525; 0,653 và 0,713.

+ Quan hệ với người khác là mặt biểu hiện chính có tương quan hỗ tương với các mặt biểu hiện về khả năng thích ứng và tâm trạng với các trị số tương quan lần lượt là 0,575 và 0,734.

+ Tâm trạng là mặt biểu hiện chính có tương quan hỗ tương với các mặt biểu hiện về sự hiểu biết chính mình; quan hệ với người khác và khả năng thích ứng với các trị số tương quan lần lượt là 0,713; 0,734 và 0,509.

- Tuy nhiên, xét trên toàn thang đo thì tất cả các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm của sinh

viên đều có tương quan hỗ tương với độ tin cậy rất cao ở mức xác suất  $p < 0,01$ , trong đó các mặt biểu hiện về sự hiểu biết chính mình, quan hệ với người khác và tâm trạng thì có tương quan rất cao cho thấy mức độ tương quan rất chặt chẽ thể hiện qua các trị số tương quan lần lượt là 0,928; 0,860 và 0,821.

Như vậy, tất cả các mặt biểu hiện về trí tuệ xúc cảm của sinh viên đều có liên quan mật thiết với nhau, có sự tác động tương hỗ lẫn nhau và có mức độ ảnh hưởng khác nhau đến trí tuệ xúc cảm của sinh viên khi xét trên toàn thang đo, đặc biệt là các mặt biểu hiện về sự hiểu biết chính mình, quan hệ với người khác và tâm trạng thì có sự biểu hiện rõ rệt hơn về mức độ ảnh hưởng đối với các mặt biểu hiện khác về trí tuệ xúc cảm.

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm của sinh viên, chúng tôi có thể rút ra những kết luận như sau:

1. Theo các tiêu chí đánh giá mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm của sinh viên mà nghiên cứu đã đề ra, chúng ta nhận thấy rằng sự biểu hiện của các yếu tố năng lực về trí tuệ xúc cảm của sinh viên chỉ ở mức độ trung bình.

2. Xét về phương diện giới tính, nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam sinh viên và nữ sinh viên về mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm.

3. Mặt khác, khi nghiên cứu sự biểu hiện về trí tuệ xúc cảm của các sinh viên theo các năm học, nghiên cứu cho thấy rằng không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa sinh viên các lớp về mức độ biểu hiện trí tuệ xúc cảm.

4. Về sự tương quan giữa các năng lực cảm xúc trí tuệ, nghiên cứu cho thấy các yếu tố của trí tuệ cảm xúc có tương quan với nhau cao. Do đó, việc giáo dục và phát triển trí tuệ xúc cảm cho sinh viên cần phải được đặc biệt chú trọng ngay từ năm thứ nhất, trong đó tất cả các kỹ năng quan trọng cần thiết cho sự phát triển các năng lực cảm xúc trí tuệ cần được phát triển hài hòa

để nâng cao trí tuệ xúc cảm của sinh viên trong quá trình đào tạo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Phương Kiệt. (2001). Cơ sở Tâm lý học ứng dụng - Tập I. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Glass V. G., Stanley J. C. (1970). Statistical Methods in Education and Psychology. Prentice - Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey.
3. Goleman D. (2002). Trí tuệ xúc cảm: Làm thế nào để biến những xúc cảm của mình thành trí tuệ. Nhà xuất bản khoa học xã hội. Hà Nội. (Người dịch: Lê Diên).
4. Goleman D. (2007). Trí tuệ xúc cảm: Ứng dụng trong công việc. Nhà xuất bản Tri thức. (Người dịch: Phương Thúy, Minh Phương, Phương Linh).
5. Nguyễn Công Khanh. (2003). Các mô hình lý thuyết về trí thông minh xúc cảm. Tạp chí Giáo dục, 61: 14-15.
6. Nguyễn Huy Tú. (2005). Tài năng - Quan niệm, nhận dạng và đào tạo. Nhà xuất bản Giáo dục.
7. Nguyễn Thạch, Phạm Hoàng Nghị. (2007). Tâm lý học sư phạm đại học. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Hà Nội.
8. Phan Trọng Ngộ, Dương Diệu Hoa, Nguyễn Lan Anh. (2001). Tâm lý học trí tuệ. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Worchel S., Shebilsue W. (2007). Tâm lý học - Nguyên lý và ứng dụng. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. (Người dịch: Trần Đức Hiến).



